TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 34/2019/HNGĐ - ST Ngày: 20-6-2019 V/v: "Ly hôn"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thanh Phương

Ông Trần Văn Điệp

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lương Thị Liên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 834/2018/TLST-HNGĐ ngày 18/12/2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1984
Cùng địa chỉ: ấp B, xã B, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Anh T có mặt, chị T1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2018 và các lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T1 xây dựng gia đình với nhau năm 2003, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 02 tháng 7 năm 2003. Việc kết hôn do anh và chị T1 đều tự nguyện. Nay anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị Nguyễn Thị T1. Nguyên nhân anh T

yêu cầu ly hôn là do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, vợ chồng không tôn trọng, yêu thương và tin tưởng nhau.

Về con chung: Anh T và chị T1 có 02 người con chung là cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 06/6/2004 và cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 11/7/2011. Nếu ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T1 vắng mặt, không đến Tòa cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, xử cho anh T được ly hôn với chị T1. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lvà cháu H cho anh T nuôi dưỡng, tạm thời chị T1 không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T1 xây dựng gia đình với nhau năm 2003, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 02/7/2003, việc kết hôn do cả hai đều tự nguyện nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000. Anh T xin ly hôn với chị T1 với lý do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường hay xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn thương yêu, tin tưởng và tôn trọng nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2018 đến nay.

Xét thấy, qua kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã P thì địa phương không xác định được nguyên nhân tranh chấp ly hôn giữa anh T và chị T1. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho chị T1 biết để đến Tòa tham gia tố tụng, cung cấp chứng cứ và hòa giải để vợ chồng chị đoàn tụ nhưng chị T1 vẫn không đến Tòa mà không có lý do. Qua ý kiến của anh T thể hiện anh T và chị T1 không còn yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau là đã vi

phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, xử cho anh T được ly hôn với chị T1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Anh T và chị T1 có 02 người con chung là cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 06/6/2004 và cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 08/01/2019.

Anh T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con. Đối với chị T1 không có ý kiến gì về việc nuôi con. Mặt khác, cháu Lvà cháu H cũng có ý kiến là mong muốn được sống chung với anh T. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 06/6/2004 và cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 11/7/2011 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh T nuôi con không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Ly hôn" của anh Nguyễn Văn T đối với chị Nguyễn Thị T1.

Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị T1.

Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 06/6/2004 và cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 11/7/2011 cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng. Tạm thời chị T1 không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị T1 được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Anh T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000044 ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Anh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Anh T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T1 được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Lâm